TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 488/2024/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 21 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149, 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Lương Hữu N, sinh năm: 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nơi ở hiện tại: 1 đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Và chị Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Ấp V, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L chung sống với nhau từ năm 2018 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2018 ngày 11 tháng 9 năm 2018 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo anh N và chị L thì sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại địa chỉ 1 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống vợ chồng khá hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2023, chị L dẫn theo con bỏ ra ngoài sinh sống cho đến nay, còn anh N vẫn ở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và kể từ thời điểm đó vợ chồng bỏ mặc

không còn quan tâm đến nhau. Nay cả hai đều xác định không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L.

[2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L có 01 người con chung Lương Nguyệt C, sinh ngày: 26/01/2019. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh N có nghĩa vụ đóng góp nuôi con với chị L là 3.000.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mồng 05 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/7/2024. Thời điểm hiện tại cháu Nguyệt C chưa đủ 07 tuổi nên không đặt vấn đề xem xét nguyện vọng của cháu. Nhận thấy hai bên đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của con nên Tòa án công nhận thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu anh N có đủ căn cứ cho rằng chị L không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L thỏa thuận giao con chung Lương Nguyệt C, sinh ngày: 26/01/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh N có nghĩa vụ đóng góp nuôi con với chị L là 3.000.000đ (Ba triệu) đồng/01 tháng cho đến khi cháu Lương Nguyệt Cát thành

n (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mồng 05 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/7/2024.

Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L xác nhận không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, anh Lương Hữu N và chị Nguyễn Thanh L mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng anh N và chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0001396 ngày 11 tháng 3 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập. Anh N và chị L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- UBND xã P, huyện Đ,
tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn
Số 100/2018 ngày 11 tháng 9 năm 2018);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Chính